TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/DS - PT
Ngày: 28/6/2022
V/v "Tranh chấp quyền về tưới tiêu, tiêu nước trong canh tác"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền về tưới tiêu, tiêu nước trong canh tác"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS – ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2022/QĐ – PT ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1946;

2. Bà Nguyễn Hữu C, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà C:* Ông Đỗ Minh H. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ Văn H1, sinh năm: 1958; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Đỗ Mỹ C, sinh năm: 1960; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 329/1 ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Phú P, sinh năm 1967; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Hồng V, sinh năm 1972; (từ chối tham gia tố tụng)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đỗ Minh H, Nguyễn Hữu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Hữu C cùng trình bày:

Ông H và bà C đang quản lý sử dụng phần đất thuộc thửa 351 tờ bản đồ số 11 diện tích diện tích 1448,2 m^2, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông H1 và bà C1 quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 328, tờ bản đồ số 11, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (giáp ranh thửa 351 nêu trên của ông H và bà C). Quá trình sử dụng thửa đất số 328, tờ bản đồ số 11, ông H1 và bà C1 có đặt đường ống thoát nước (đường bọng dẫn nước) dưới mương ranh giữa thửa đất số 351 của ông H bà C với thửa 350 tờ bản đồ số 11 của ông Võ Phú P để dẫn nước vào thửa 328 nêu trên. Tuy nhiên, ông H và bà C không đồng ý cho ông H1 và bà C1 đặt đường ống bọng nêu trên nên có báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Nay ông H và bà C khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà C1 tháo dở, di dời đường ống thoát nước chiều dài 03m, chiều ngang 2,5 tất (0,25m) đặt trên thửa đất số 351 tờ bản đồ số 11 do ông H và bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên hòa giải ngày 26/11/2021, ông H có bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông H1 và bà C1 di dời đường bọng dẫn nước thêm một đoạn có chiều dài 02m 05 phân (tiếp theo đường bọng dẫn nước theo đơn khởi kiện trước đây là 03m) thuộc thửa đất số 370 tờ bản đồ số 11 do ông Võ Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, ông H yêu cầu ông H1 và bà C1 di dời đường bọng dẫn nước có chiều dài là 02 m 05 phân + 03m = 05m 05 phân.

Tòa án giải thích cho ông H đối với đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2021 (Tòa án nhận qua đường bưu điện ngày 24/11/2021) ông H có bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông H1 và bà C1 di dời đường bọng dẫn nước thêm một đoạn có chiều dài 02 m 05 phân (tiếp theo đường bọng dẫn nước theo đơn khởi kiện trước đây là 03m) thuộc thửa đất số 370 tờ bản đồ số 11 do ông Võ Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của

ông H. Sau khi được Tòa án giải thích, ông H không yêu cầu khởi kiện bổ sung nội dung nêu trên.

Đối với kết quả đo đạc, ông H cho rằng ông H1 và bà C1 đặt đường ống thoát nước trên thửa đất số 351 tờ bản đồ số 11 của ông và bà C nhưng ông H không yêu cầu đo đạc lại.

Ông H không có ý kiến gì về kết quả định giá ngày 29/6/2021.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Hồ Văn H1 và bà Đỗ Mỹ C cùng trình bày:

Ông H1 và bà C1 đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 328 tờ bản đồ số 11 (không nhớ chính xác diện tích) tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre giáp ranh thửa 351 tờ bản đồ số 11 diện tích 1448,2 m^2 của ông H và bà C. Thửa đất số 328 tờ bản đồ số 11 trước đây ông H1 và bà C1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Võ Phú P. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 328 tờ bản đồ số 11, ông L có thỏa thuận cho ông H1 và bà C1 đặt đường bọng dẫn nước từ rạch qua thửa 350 tờ bản đồ số 11 của ông Võ Phú P để dẫn nước vào thửa 328 của ông H1 và bà C1 nêu trên. Ông H1 và bà C1 khẳng định đường bọng dẫn nước của ông bà đặt bên phần đất của ông L (thửa 350 tờ bản đồ số 11) không phải nằm trên phần đất thửa 351 tờ bản đồ số 11 của ông H và bà C. Do đó, ông H1, bà C1 không đồng ý di dời đường bọng dẫn nước có chiều dài 05m 05 phân như yêu cầu của ông H.

Ông H1, bà C1 không có ý kiến gì về kết quả đo đạc cũng như kết quả định giá ngày 29/6/2021. Ngày 26/11/2021, ông H1 và bà C1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Phú P và bà Lê Hồng V cùng trình bày:

Thửa đất 328 tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã P, huyện C trước đây ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2014). Sau đó, ông L chuyển nhượng lại cho ông Hồ Văn H1 nhưng ông L không nhớ rõ thời gian. Sau khi chuyển nhượng vài năm thì ông L cho ông H1 đặt đường bọng (đường thoát nước) sát mép mương thuộc thửa 350 tờ bản đồ số 11 của ông L để cấp thoát nước vào thửa 328 tờ bản đồ số 11 của ông H1 (ông L cho ông H1 đặt đường bọng dài hết ranh phía bắc khoảng 46,27m ra đến rạch). Lúc ông H1 đặt đường bọng thì ông H có biết nhưng không có tranh chấp. Thời gian sau mới phát sinh tranh chấp, hai bên có nhờ địa phương giải quyết nhưng không thành. Việc ông H1 đặt đường ống thoát nước không ảnh hưởng đến việc canh tác sử dụng thửa 350 tờ bản đồ số 11 của ông L. Theo kết quả đo đạc thực tế thì đường ống thoát nước tranh chấp giữa ông H với ông H1 nằm trên phần đất thuộc thửa 350 tờ bản đồ số 11 của ông L có

diện tích 2,3 m^2 thì ông L không có tranh chấp gì với ông H1, ông L vẫn cho ông H1 tiếp tục sử dụng đường ống thoát nước này qua đất của ông L.

Theo sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thì đường ống thoát nước của ông H1 nằm trên một phần thửa 370 tờ bản đồ số 11 diện tích 1,2 m^2 do ông Võ Tấn T (cha ruột ông L) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đã ủy quyền cho ông L quản lý, sử dụng hơn 10 năm nay. Cho nên ông T, ông L cũng không có ý kiến, không tranh chấp mà vẫn cho ông H1 tiếp tục sử dụng đường ống thoát nước này.

Bà Viếng thống nhất lời trình bày của ông L.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS – ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh H, bà Nguyễn Hữu C đối với ông Hồ Văn H1 và bà Đỗ Mỹ C về việc yêu cầu ông H1, bà C1 tháo dở, di dời đường ống thoát nước có diện tích theo đo đạc thực tế là 2,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số 350, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2022 ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Hữu C kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp do các sơ thẩm xác định sai, quan hệ tranh chấp đúng là tranh chấp quyền về tưới tiêu, tiêu nước trong canh tác theo Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo của ông H bà C là không có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông H, bà C yêu cầu bị đơn là ông H1, bà C1 tháo dở, di dời đường ống thoát nước do đó phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là

tranh chấp quyền về tưới tiêu, tiêu nước trong canh tác theo Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015, không phải tranh chấp quyền sử dụng đất như bản án sơ thẩm xác định.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông H, bà C yêu cầu bị đơn là ông H1, bà C1 tháo dở, di dời đường ống thoát nước theo đo đạc thực tế có diện tích 2,3 m^2 (chiều dài 03m, chiều ngang 0,25m) đặt trên thửa đất số 351, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã P, huyện C do ông H và bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ theo sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa 350-351, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C thể hiện: Đường ống thoát nước do ông H1 và bà C1 đặt trên thực tế, theo xác định của ông H là từ các điểm số 1, 2, 3, 10 có diện tích 2,3 m^2 (ông H1, bà C1 cũng thống nhất với kết quả này) nằm trên phần đất thuộc thửa 350 tờ bản đồ số 11, tọa lạc xã P, huyện C, Bến Tre do ông Võ Phú P và bà Lê Hồng V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông H, bà C là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Ông H và bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Minh H, bà Nguyễn Hữu C

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS – ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh H, bà Nguyễn Hữu C đối với ông Hồ Văn H1 và bà Đỗ Mỹ C về việc yêu cầu ông H1, bà C1 tháo dở,

di dời đường ống thoát nước có diện tích theo đo đạc thực tế là 2,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số 350, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chi phí tố tụng: Ông Đỗ Minh H, bà Nguyễn Hữu C phải chịu là 3.781.000 đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Hữu C được miễn án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Hữu C được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng